|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số:............../2022/NQ-HĐND | *..., ngày ... tháng ... năm 2022* |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**NGHỊ QUYẾT**

**về “Chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN;*

*Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 08 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;*

*Thực hiện Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2025;*

*Thực hiện Quyết đinh số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Thực hiện Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 08 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030;*

*Thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Thực hiện Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030”*

*Thực hiện Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2030”;*

*Thực hiện Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Sửa đổi một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050”;*

*Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình ………………………………………………………………........; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

 **Điều 1: Chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:**

1. **Mục tiêu tổng thể**

 Xây dựng chương trình ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra chuyển biến đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh của hàng hóa; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

1. **Mục tiêu cụ thể**

 a) Giai đoạn 2021-2025: Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ và cải tiến công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sạch, thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; phát triển doanh nghiệp trở thành trung tâm của đổi mới sáng tạo, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. Đến năm 2025, tỷ lệ đóng góp của các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt mức 44-45% trong tăng trưởng GRDP của tỉnh; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm 10-11%.

 b) Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục phát triển năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hình thành được năng lực và tạo ra những công nghệ mới, nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa có giá trị cao tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Chỉ tiêu yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt mức trên trung bình của cả nước; hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự làm nền tảng và động lực cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh.

 **3. Các chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo:**

a) Chương trình nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

b) Chương trình ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

c) Chương trình ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh; ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

d) Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

đ) Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thương mại.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

e) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ các sản phẩm hàng hóa, thương hiệu.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

g) Chương trình phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

h) Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Mục tiêu chương trình:

- Chỉ tiêu (nếu có):

- Nội dung:

**4. Giải pháp tổ chức thực hiện các Chương trình:**

a) Huy động nguồn nhân lực

b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ

c) Các nguồn kinh phí

d)Về hợp tác quốc tế, trong nước

đ) Xây dựng; thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; hàng năm gắn báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo kinh tế-xã hội của tỉnh và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm …

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Ban Công tác đại biểu - UBTVQH; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ Tài chính; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; - UBND tỉnh; - Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI; - Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; - VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh; - Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;- Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh; - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  |